

Bản án số: 167/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03-03-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Tiến
- Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1011/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh Đ – sinh năm 1952 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 339/2B đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T - sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: 339/2B đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Lê Thanh Đ trình bày: Ông và bà Lê Thị Thu T tự nguyện kết hôn với nhau năm 1983 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 07 do UBND Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/1983), bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã mất. Hơn 40 năm chung sống vợ chồng không hòa hợp, luôn có mâu thuẫn, ông và bà T đã 01 lần nộp đơn thuận tình ly hôn, 01 lần ông làm đơn đơn phương

ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn, ngoài ra còn nhiều lần cả hai bên đều làm đơn ly hôn nhưng không nộp lên Tòa án. Gần 10 năm nay vợ chồng đã ly thân, năm 2021 bà T yêu cầu ông ăn riêng, ra ngoài sống, bỏ quần áo, đồ đạc của ông ở ngoài, thay khóa cửa không cho ông vào nhà. Là dâu trong nhà nhưng bà T luôn hằn học với bố mẹ chồng chỉ 1 lần về quê chồng năm 1983, ông quê ở Thái Bình, 2 lần bà T về quê chồng con gái ở Phú Thọ cũng không sang bên nhà chồng. Năm 2019 bố ông chết bà T không về, 49 ngày và giỗ đầu cũng không về, lần đầu khi mọi người hỏi ông còn nói bà T bận nhiều việc, đến những lần sau thì ông không biết nói sao, bà T còn nói sau này mẹ ông chết cũng không về. Đến nay ông lại nộp đơn để yêu cầu ly hôn vì muốn thanh thản sống đến cuối đời do bị nhiều bệnh trong đó có huyết áp mà sống với bà T ông rất căng thẳng, huyết áp cứ lên xuống liên tục.

Về con chung: Có 2 con chung là Lê Thanh Th – sinh năm 1986 và Lê Trung H – sinh năm 1991. Hai con đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Lê Thị Thu Th trình bày: Quá trình chung sống bà chăm sóc cho chồng, con đàn ông, vợ chồng có nói qua lại nhưng chưa bao giờ xô sát, 9 năm nay bà ngủ riêng vì không muốn phá giấc ngủ của ông Đ do bà ngủ từ 8 giờ tối, 3 giờ sáng đã dậy tụng kinh trong khi ông Đ ngủ muộn, dậy muộn, nhưng trong thời gian này ông Đ chưa bao giờ lên phòng bà để thăm, tâm sự. Ngày 23/12/2021 tình hình của hai vợ chồng căng thẳng nên bà đề nghị ông Đ ăn riêng, 1 tuần sau thì bà bảo ông Đ ra ngoài ở nhưng khi đến phòng của ông Đ ở bà thấy có rất nhiều đồ của phụ nữ ở trong phòng. Bà biết cư xử như vậy là sai nên 3 tháng liền bà đã quỳ lạy xin ông Đ quay về nhưng ông Đ không nghe máy, nhắn tin không trả lời. Năm 2007 bà đi Mỹ 1 tháng chăm cháu mới sinh và có ý định sau khi từ Mỹ về cả nhà sẽ về quê chồng chơi nhưng khi ở Mỹ về bà có nghe con gái nói ông Đ dẫn người khác về ở, mẹ của ông Đ cũng không ngăn cản việc này còn vui vẻ, bình thường. Bà không đồng ý ly hôn vì ông Đ bị ung thư gan, tiểu đường, u tuyến tiền liệt, huyết áp bà muốn ông Đ về để gia đình cùng chăm sóc, ông Đ cũng 50 năm tuổi Đảng nhưng lại có người khác nên bà muốn ông Đ về để giữ danh dự, đạo đức cho gia đình. Ông Đ ra khỏi nhà bà thay khóa nhà là do con gái đi làm bị mất chìa khóa, ông Đ có về nhà lục lọi đồ mà không nói với bà, con gái lớn đã ly dị chồng, đưa cháu ngoại về sống chung, con trai thì bị bệnh nên bà muốn ông Đ về để cùng nhau chăm con, cháu.

Về con chung: Có 2 con chung là Lê Thanh Th – sinh năm 1986 và Lê Trung H – sinh năm 1991. Hai con đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vắng mặt.

Bị đơn – bà T trình bày: Quá trình chung sống bà chăm lo chu đáo cho chồng con, cũng có giúp đỡ anh chị em bên chồng, bà thừa nhận năm 2019 khi bố chồng chết, 49 ngày hay giỗ đầu bà không về vì bận chăm cháu ngoại, nhưng có bảo con về. Bà không đồng ý ly hôn vì ông Đ hiện bị rất nhiều bệnh, bác sỹ bảo chỉ sống được 5 năm, đến nay đã được 5 năm nên các con cũng muốn ông Đ về để gia đình chăm sóc, ông Đ hiện đang mê người phụ nữ khác nên bà cũng muốn kéo dài thời gian ly hôn để ông Đ có thời gian suy nghĩ quay về với gia đình. Bà và ông Đ có 2 con chung đã thành niên, tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thủy do bà T cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 07 do UBND Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/1983 thì hôn nhân của ông Đ và bà T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T do quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai bên đã làm đơn ly hôn nhiều

lần. Bà T không đồng ý ly hôn do ông Đ bị nhiều bệnh muốn chăm sóc chồng, muốn giữ danh dự cho gia đình và muốn ông Đ phụ chăm lo cho con, cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trước lần làm đơn ly hôn này của ông Đ, cả ông Đ, bà T đều đã làm đơn thuận tình ly hôn hoặc làm đơn đơn phương ly hôn nhưng đã rút đơn để hàn gắn, hòa giải nhưng không được. Ông Đ, bà T ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, ông Đ được ly hôn bà T.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 28 do UBND Phường D, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/1986 và bản sao Giấy khai sinh số: 07 do UBND Phường D, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/1992 thì chị Lê Thanh Th – sinh ngày 24/9/1986 và anh Lê Trung H – sinh ngày 28/12/1991 là con chung của ông Lê Thanh Đ và bà Lê Thị Thu T. Chị Lê Thanh Th, anh Lê Trung H đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Đ là người cao tuổi, căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông Đ được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Lê Thanh Đ.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh Đ được ly hôn bà Lê Thị Thu T.

b. Về quan hệ con chung: Có 2 con chung là Lê Thanh Th – sinh năm 1986 và Lê Trung H – sinh năm 1991. Hai con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Ông Lê Thanh Đ được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trả lại ông Lê Thanh Đ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0032222 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê Thanh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Lê Thị Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương